| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC A**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 317/2026/QĐST-HNGĐ | *Tây Ninh, ngày 17 tháng 8 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A, TỈNH TÂY NINH

Căn cứ các Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 415/2026/TLST–HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

- Chị Bùi Phạm Bảo C, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh.

- Anh Giang T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc dân sự, đồng thời yêu cầu Tòa án công nhận kết quả đó.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Phạm Bảo C và anh Giang Thanh thuận T1 ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị Bùi Phạm Bảo C và anh Giang T thỏa thuận: Giao cho anh Giang T trực tiếp nuôi 02 con chung là Giang Thanh P, sinh ngày 07/7/2014 và Giang T2, sinh ngày 07/01/2018. Anh Giang T không yêu cầu chị Bùi Phạm Bảo C cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; Cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 85, 110,116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về tài sản chung: Chị Bùi Phạm Bảo C và anh Giang T thỏa thuận:

1.3.1. Chị Bùi Phạm Bảo C được quyền sở hữu 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave A, biển số đăng ký 70AA-852.27 do chị Bùi Phạm Bảo C đứng tên và được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 3346, tờ bản đồ số 3, diện tích 506m$^2$, loại đất trồng cây hàng năm khác, tại địa chỉ ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, nay là xã Đ, tỉnh Tây Ninh do chị Bùi Phạm Bảo C đứng tên quyền sử dụng đất, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ chỉnh lý biến động ngày 18-9-2019, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 565535, số vào sổ cấp GCN: CS 06292 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 31/7/2019.

1.3.2. Anh Giang T được quyền sở hữu 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Blade, biển số đăng ký 59D3-150.82 do anh Giang T đứng tên và được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 553, tờ bản đồ số 14, diện tích 230m$^2$, loại đất trồng cây hàng năm, tại địa chỉ xã H, Thành phố Hồ Chí Minh do anh Giang T đứng tên quyền sử dụng đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA04290960, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CN7305 do Chi nhánh Văn phòng Đ, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/10/2025.

1.4. Về nợ chung: Chị Bùi Phạm Bảo C và anh Giang T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Phạm Bảo C và anh Giang T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà chị C và anh T đã nộp mỗi người là 150.000 đồng theo các biên lai thu số 0014348, 0014338 cùng ngày 23/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, chị C và anh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND khu vực A-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy CNKH số 54/2013, đăng ký ngày 17/8/2013 tại UBND Phường 03, quận T, Tp Hồ Chí Minh);
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Võ Thị Minh Hiệp**